TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 05 tháng 8 năm 2021

ĐIỂM THU HOẠCH THỰC TẾ

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 79 (huyện Bảo Lạc)

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Tô Thị Vân Anh	8.25	Tám phảy hai năm	41	Nguyễn Thị Lan	8.00	Tám
2	Trần Thị Ánh		**Học theo K78**	42	Tô Thị Lệ	8.50	Tám phẩy năm
3	Đặng Văn Ấy	8.00	Tám	43	Triệu Lao Lủ	8.50	Tám phẩy năm
4	Lục Thị Cam	8.25	Tám phảy hai năm	44	Hứa Văn Luân	8.50	Tám phẩy năm
5	Chu Quế Chiến	8.00	Tám	45	Lý Thị Mai	8.00	Tám
6	Lang Thị Chuyên	8.00	Tám	46	Sinh Thị Nga	8.00	Tám
7	Hoàng Thành Công	8.00	Tám	47	Ma Thị Nguyệt	8.00	Tám
8	Vương Kim Cúc	8.25	Tám phảy hai năm	48	Nông Thị Nhất	8.25	Tám phẩy hai năm
9	Lê Tiến Đạt	8.25	Tám phảy hai năm	49	Nguyễn Thị Nương	8.25	Tám phẩy hai năm
10	Triệu Thị Đẹp	8.25	Tám phảy hai năm	50	Hoàng Ngọc Oanh	8.25	Tám phẩy hai năm
11	Lưu Tiến Dũng	8.25	Tám phảy hai năm	51	Nông Thị Hồng Oanh	8.50	Tám phẩy năm
12	Quan Hùng Dũng	8.00	Tám	52	Nông Hữu Phước	8.00	Tám
13	Trần Văn Dũng	8.00	Tám	53	Quan Thị Phương	8.25	Tám phẩy hai năm
14	Mã Văn Duy	8.00	Tám	54	Hoàng Thị Kim Phượng	8.25	Tám phẩy hai năm
15	Ma Văn Giáp	8.25	Tám phảy hai năm	55	Sinh Văn Quý	8.25	Tám phẩy hai năm
16	Đinh Văn Hải	8.25	Tám phảy hai năm	56	Mông Thành Tâm	8.25	Tám phẩy hai năm
17	Mã Văn Hải		**Thôi học**	57	Quan Thị Tấm	8.00	Tám
18	Công Thị Hằng	8.25	Tám phảy hai năm	58	Tô Hoàng Tân	8.00	Tám
19	Lâm Thị Hạnh	8.25	Tám phảy hai năm	59	Nguyễn Văn Thắng	8.00	Tám
20	Nông Thị Hậu	8.25	Tám phảy hai năm	60	Nguyễn Lê Hà Thanh	8.50	Tám phẩy năm
21	Triệu Văn Hiến	8.25	Tám phảy hai năm	61	Triệu Văn Thanh	8.00	Tám
22	Lục Thị Thu Hiền	8.50	Tám phẩy năm	62	Hoàng Thị Thao	8.25	Tám phẩy hai năm
23	Đàm Thị Hiếu	8.00	Tám	63	Tô Ngọc The	8.50	Tám phẩy năm
24	Mông Thị Hiếu	8.00	Tám	64	Đàm Thị Thi	8.25	Tám phẩy hai năm
25	Đàm Thị Hoa	8.25	Tám phảy hai năm	65	Hoàng Văn Thiệu	8.00	Tám
26	Lữ Thị Hồng	8.00	Tám	66	Nguyễn Văn Thuận	8.00	Tám
27	Hoa Văn Huấn	8.25	Tám phảy hai năm	67	Hoàng Văn Thức	8.50	Tám phẩy năm
28	Bế Thị Huế	8.25	Tám phảy hai năm	68	Hứa Xuân Thủy	8.25	Tám phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
29	Đường Thị Huế	8.25	Tám phảy hai năm	69	Lãnh Thị Tiềm	8.00	Tám
30	Hoàng Thu Huệ	8.50	Tám phẩy năm	70	Nông Văn Tin	8.25	Tám phẩy hai năm
31	Nông Thị Huệ	8.25	Tám phảy hai năm	71	Hoàng Thị Thu Trang	8.50	Tám phẩy năm
32	Lâm Quang Hùng	8.25	Tám phảy hai năm	72	Hoàng Văn Trọng	8.25	Tám phẩy hai năm
33	Nông Quang Hùng	8.25	Tám phảy hai năm	73	Đặng Văn Tư	8.50	Tám phẩy năm
34	Lâm Thị Hương		**Thôi học**	74	Tô Văn Tuấn	8.00	Tám
35	Lục Văn Huy	8.25	Tám phảy hai năm	75	Nông Thị Tuế	8.25	Tám phẩy hai năm
36	Đàm Thị Huyền	8.50	Tám phẩy năm	76	Đỗ Thị Tươi	8.00	Tám
37	Hoàng Thị Huyền	8.00	Tám	77	Nông Thị Tươi	8.25	Tám phẩy hai năm
38	Lãnh Thị Huyền	8.00	Tám	78	Quan Văn Vận	8.00	Tám
39	Nông Quốc Khiêm	8.25	Tám phảy hai năm	79	Quan Thị Xuân	8.00	.Tám
40	Mông Thị Kiều	8.00	Tám	80	Hoàng Văn Yếm	8.25	Tám phẩy hai năm

Điểm 8.00: 29 điểm; Điểm 8.25: 36 điểm; Điểm 8.5: 12 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Đoàn Thị Kim Liên	**Hoàng Việt Hưng**	**Trịnh Thị Ánh Hoa**